

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/LĐST

Ngày 22 - 7 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Xuân Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Bé;

- Bà Phạm Thị Ngọc;

Thư ký ghi biên bản: Bà Bé Thị An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 22/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 16/2025/TLST-LĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2025/QĐXXST-LĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 364/2025/QĐST-LĐ ngày 17/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H; địa chỉ: 5 đường L, ấp M, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị đơn: Công ty M; địa chỉ: Đường N, tổ A, ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Hung, cheng-wei – Tổng giám đốc công ty.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Vũ Thị H1; địa chỉ: Đường L, Ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bảo hiểm xã hội T2 (cũ là Bảo hiểm xã hội C); địa chỉ: 1 đường T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T; địa chỉ: F đường L, ấp M, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Khoảng tháng 5 năm 2007 do hoàn cảnh khó khăn, em tôi là Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992 muốn giúp đỡ gia đình nhưng chưa đủ tuổi lao động,

nên tôi có cho em tôi mượn chứng minh nhân dân của tôi, sau đó lấy ảnh của em tôi dán vào chứng minh nhân dân của tôi để nộp hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH M và tham gia Bảo hiểm xã hội có số BHXH 0207383489 từ tháng 10/2007 đến tháng 01/2009 thì nghỉ việc. Em tôi đã làm thủ tục rút BHXH một lần. Cũng trong khoảng thời gian từ tháng 5/2007 đến tháng 7/2008 tôi có xin làm việc tại Công ty TNHH H3 và tham gia đóng BHXH số 0207241347, tôi cũng làm thủ tục rút BHXH một lần. Đến tháng 5 năm 2011, tôi xin làm lại tại Công ty TNHH H3 vào tham gia đóng BHXH số 7911266869 từ tháng 5/2011 đến tháng 12 năm 2019 thì xin nghỉ. Bảo hiểm xã hội huyện C đã chốt sổ BHXH cho tôi. Tháng 8 năm 2024, tôi làm thủ tục rút BHXH một lần thì mới phát hiện bản thân tôi có 03 số BHXH là 0207241347, 0207383489 và số 7911266869, trong đó số BHXH 0207383489 tại công ty M có thời gian tham gia đóng BHXH trùng với BHXH số 0207241347 tại Công ty H3 từ tháng 10/2007 đến tháng 7/2008. Thực tế người ký hợp đồng lao động với Công ty M1 là em tôi tên Nguyễn Thị Thanh T, nhưng lại lấy tên tôi là Nguyễn Thị Thanh H để làm việc và tham gia đóng BHXH.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty M với em gái tôi dưới tên Nguyễn Thị Thanh H từ tháng 10/2007 đến tháng 01/2009 là vô hiệu.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, bà tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm. Không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

* Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Vũ Thị H1 trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện, Công ty M nhận thấy:

- Người lao động sử dụng căn cước công dân của bà Nguyễn Thị Thanh H trong giai đoạn từ tháng 10/2007 đến tháng 01/2009 đã sử dụng giấy tờ tùy thân giả mạo (CMND của người khác có dán hình mình) để lừa dối Công ty trong quá trình tuyển dụng.

- Công ty khẳng định đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với người lao động, bao gồm thanh toán đầy đủ tiền lương và thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội trong toàn bộ thời gian làm việc.

- Sau khi chấm dứt hợp đồng, người lao động đã nhận đủ tiền lương và đã được cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả chế độ trợ cấp một lần. Việc này cho thấy các quyền lợi phát sinh từ quan hệ lao động và quan hệ với cơ quan BHXH đã được giải quyết xong.

Công ty đề nghị Tòa án xem xét toàn diện các yếu tố để không làm phát sinh trách nhiệm pháp lý mới cho doanh nghiệp. Không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng vô hiệu.

* Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Tôi có mượn Giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thanh H để ký hợp đồng lao động với Công ty M từ 10/2007 đến 01/2009, Công ty M có đóng bảo hiểm xã hội cho tôi dưới tên Nguyễn Thị Thanh H là đúng sự thật. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H.

* Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Tôi đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H. Không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

* Trong quá trình tố tụng, Bảo hiểm xã hội T2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt, có ý kiến trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 28/02/1987, chứng minh nhân dân số 024198166, Căn cước công dân số 079187023267 có Sổ BHXH số 7913236896 từ tháng 09/2013; số BHXH số 0207241347 có quá trình đóng BHXH từ tháng 05/2007 đến tháng 7/2008 tại Công ty N, đã hưởng trợ cấp 1 lần; Sổ BHXH số 0207383489 có quá trình tham gia BHXH, BHTN từ tháng 10/2007 đến tháng 01/2009 tại Công ty M, đã hưởng trợ cấp 1 lần.

Bảo hiểm xã hội Tân An H2 cung cấp thông tin như trên, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện Công ty M; địa chỉ: Đường N, Ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng lao động. Vì vậy, tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng lao động”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019.

Về việc vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội T2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện bà yêu cầu hủy hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thị Thanh H, số chứng minh nhân dân 024198166 (mã số BHXH: 0207383489) tại Công ty M. Tại phiên tòa bà H xác định lại là yêu cầu tuyên bố hợp đồng từ 10/2007 đến tháng 01/2009 là vô hiệu, đồng thời không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của các đương sự có căn cứ để xác định:

Vào khoảng thời gian từ tháng 10/2007 đến tháng 01/2009 Nguyễn Thị Thanh T đã sử dụng Chứng minh thư số 2024198166 của bà Nguyễn Thị Thanh H để giao kết hợp đồng lao động vào làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty M dưới tên là Nguyễn Thị Thanh H, được Công ty M đã thực hiện quá trình tham đóng bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm 0207383489, thời gian đóng bảo hiểm 10/2007 đến 01/2009. Tuy nhiên, cùng thời gian này bà Nguyễn Thị Thanh H được Công ty H3 đóng BHXH số 0207241347 từ 10/2007 đến tháng 7/2008.

Như vậy, có căn cứ để xác định được trong thời gian từ tháng 10/2007 đến tháng 01/2009 người trực tiếp ký hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty M, không phải bà Nguyễn Thị Thanh H. Việc bà Nguyễn Thị Thanh T sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty M là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó, việc Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thanh T sử dụng chứng minh nhân dân của bà H để giao kết với Công ty M vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 136, Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn

Công ty M đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty M. Xét đề nghị của bị đơn là phù hợp nên cần được ghi nhận.

[4]. Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận có mượn căn cước công dân của bà H để ký hợp đồng lao động với Công ty M. Bà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần được chấp nhận.

[5]. Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H, bị đơn Công ty M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T1 không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[6]. Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019

Căn cứ Điều 136 và Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H với bị Công ty M về việc tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và Công ty M thời gian làm việc từ tháng 10/2007 đến tháng 01/2009 vô hiệu.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0063593 ngày 18/02/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND khu vực 8;
- VKSND khu vực 8;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Xuân Hà